

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÙ ĐĂNG
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 58/2020/HSST
Ngày: 06/8/2020.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÙ ĐĂNG, TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lưu Thùy Linh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Đăng Bảy

Ông Nguyễn Quang Liêu

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Mạnh Hùng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bù Đăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Đăng tham gia phiên tòa:
ông D Thế Nam - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 8 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước mở phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 37/2020/HSST ngày 14 tháng 4 năm 2020. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 32/2020/QĐXXST – HS ngày 10 tháng 6 năm 2020 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: Đặng Quốc T, sinh năm 1999, tại tỉnh B.

Nơi cư trú: Khu Đ, TT. P, huyện A, B; nghề nghiệp làm rẫy; trình độ học vấn 11/12; dân tộc kinh; giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Đặng Quốc L và bà Trần Thị M; Tiền án: không. Tiền sự: 01, ngày 17/10/2018, bị Tòa án nhân dân huyện A Quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc thời hạn 16 tháng nhưng chưa chấp hành. Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 11/02/2020 cho đến nay. (Bị cáo có mặt tại phiên tòa).

2. Họ và tên: Huỳnh Bình D, sinh năm 2001, tại tỉnh B.

Nơi cư trú: thôn 6, xã F, huyện A, tỉnh B; nghề nghiệp làm rẫy; trình độ học vấn 9/12; dân tộc kinh; giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Huỳnh Tấn Quý và bà Nguyễn Thị C; Tiền án, tiền sự không. Ngày 13/11/2018 bị Tòa án nhân dân huyện A xử phạt 01 năm 03 tháng tù về tội trộm cắp tài sản; tại thời điểm phạm tội bị cáo là người chưa đủ 18 tuổi, phạm tội thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nên được coi là không có án tích. Bị cáo đã chấp hành

xong hình phạt và án phí. Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 11/02/2020 cho đến nay. (Bị cáo có mặt tại phiên tòa)

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

Bà Nguyễn Thị C, sinh năm 1974 (vắng mặt).

Trú tại: thôn 6, xã F, huyện A, tỉnh B.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 10/02/2020, Đặng Quốc T xuống T.ph H mua 2.000.000đ ma túy của một người đàn ông tên E mang về nhằm mục đích sử dụng. Khoảng 20h ngày 11/02/2020, Huỳnh Bình D điều khiển xe mô tô biển số 93P2 – 56411 đến nhà của Đặng Quốc T ở khu Đ, thị trấn P, huyện A mượn điện thoại và sử dụng ma túy cùng T. Sau khi sử dụng xong, D xin T một ít mang về sử dụng, T liền đưa cho D 01 gói nylon bên trong có ma túy, D đem cất giấu trong nón (mũ) vải bỏ vào cốp xe mô tô của D, rồi D điều khiển xe đi chơi. Đến khoảng 21 giờ cùng ngày, T bỏ 03 gói ma túy cùng 01 gói muối vào trong 01 hộp giấy (loại để thoại di động) và gọi điện thoại cho D nhờ chở vào xã G để cùng bạn bè sử dụng ma túy. D chở T đến đoạn đường thuộc khu vực thôn 8, xã G, huyện A thì bị E an huyện A phối hợp với Công an xã G bắt quả tang người cùng tang vật (BL 01 – 05, 60 – 70, 81 – 89).

- Tại bản giám định số 30/2020/GĐ-MT ngày 18/02/2020 của phòng Kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh B, kết luận:

+ Tinh thể màu trắng có trong 05 gói nylon được niêm phong trong 02 phong bì (ký hiệu M có chữ ký của D, M1 có chữ ký của T) gửi giám định thì 01 phong bì (ký hiệu M) bên trong có 01 gói nylon là ma túy, loại Methamphetamine, có khối lượng 0,1310 gam; 01 phong bì (ký hiệu M1) bên trong có 03 gói nylon (ký hiệu M1 – 1) là ma túy, loại Methamphetamine, có khối lượng 1,8794g.

+ 01 gói nylon (ký hiệu M1 – 2) không tìm thấy các chất ma túy thuộc danh mục của nghị định số 73/2018/NĐ – CP ngày 15/5/2018 của chính phủ có khối lượng là 24,5940g (BL 09).

- Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: không

- Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Các bị can thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Bị cáo T hoàn cảnh gia đình khó khăn; bị cáo D gia đình có công với cách mạng.

- Về vật chứng vụ án: Số ma túy còn lại sau giám định được niêm phong số 30 của phòng Kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh B, 01 điện thoại di động hiệu

Viettel, 01 điện thoại di động hiệu Oppo, 01 xe mô tô biển số 93P2 - 56411. Cơ quan điều tra đã chuyển C cục Thi hành án dân sự huyện A để phục vụ việc truy tố, xét xử (BL 106).

Tại bản cáo trạng số: 42/CT – VKS - BD ngày 13/4/2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện A truy tố các bị cáo Đặng Quốc T và Huỳnh Bình D về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo điểm c Khoản 1 Điều 249 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát khẳng định nội dung bản cáo trạng của Viện kiểm sát là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật, vì vậy đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên phần nội dung bản cáo trạng đã truy tố về tội danh đối với các bị cáo; về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự đối với bị cáo D, Viện kiểm sát rút lại, xác định bị cáo D không có tiền án. Về tội danh đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố các bị cáo Đặng Quốc T và bị cáo Huỳnh Bình D phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”; về hình phạt, áp dụng điểm c Khoản 1 Điều 249, điểm s khoản 1,2 Điều 51, Điều 38, Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Đặng Quốc T từ 18 đến 24 tháng tù.

Xử phạt bị cáo Huỳnh Bình D từ 18 đến 24 tháng tù.

Về vật chứng vụ án:

Đề nghị Hội đồng xét xử tịch thu tiêu hủy: Số ma túy còn lại sau giám định. Giao trả cho bị cáo T 01 điện thoại di động hiệu Viettel, 01 điện thoại di động hiệu Oppo; trả cho bà Nguyễn Thị C một xe honda biển số 93P2 - 56411.

Về án phí buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo luật định.

Bị cáo Đặng Quốc T và Huỳnh Bình D thừa nhận hành vi phạm tội như nội dung bản cáo trạng Viện kiểm sát đã truy tố, không có ý kiến tranh luận về tội danh, hình phạt và các vấn đề khác đối với đại diện Viện kiểm sát.

Lời nói sau cùng của bị cáo Đặng Quốc T: Bị cáo biết hành vi của mình là vi phạm pháp luật. Xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Lời nói sau cùng của bị cáo Huỳnh Bình D: Bị cáo ăn năn hối cải xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Điều tra Công an huyện A, Viện kiểm sát nhân dân huyện A trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về

hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo: Ngày 10/02/2020, Đặng Quốc T xuống Thành phố H mua 2.000.000đ ma túy của một người đàn ông tên E mang về nhằm mục đích sử dụng. Khoảng 20h ngày 11/02/2020, Huỳnh Bình D điều khiển xe mô tô biển số 93P2 – 56411 đến nhà của Đặng Quốc T mượn điện thoại và sử dụng ma túy cùng T. Sau khi sử dụng xong, D xin T một ít mang về sử dụng, T liền đưa cho D 01 gói nylon bên trong có ma túy. Đến khoảng 21 giờ cùng ngày T bỏ 03 gói ma túy cùng 01 gói muối vào trong 01 hộp giấy và gọi điện thoại cho D nhờ chở vào xã G để cùng bạn bè sử dụng ma túy. Khi T và D đi đến đoạn đường thuộc thôn 8, xã G thì bị lực lượng Công an bắt giữ quả tang cùng tang vật.

Tinh thể chất màu trắng (ký hiệu M1) thu giữ được trên người của T được niêm phong gửi giám định là Methamphetamine, có khối lượng 0,8794 gam.

Tinh thể chất màu trắng (Ký hiệu M) thu giữ được trên người của D được niêm phong gửi giám định là Methamphetamine, có khối lượng 0.1310 gam.

Từ phân tích trên Hội đồng xét xử xét thấy có đủ cơ sở khẳng định hành vi của bị cáo Đặng Quốc T và Huỳnh Bình D đã phạm vào “Tội tàng trữ trái phép chất ma túy”, quy định tại Điểm c Khoản 1 Điều 249 của Bộ luật hình sự năm 2015.

Như vậy, nội dung bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện A truy tố bị cáo là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Đánh giá tính chất, mức độ phạm tội của các bị cáo là rất nghiêm trọng, gây nguy hại rất lớn cho xã hội, xâm phạm đến chính sách độc quyền quản lý của Nhà nước về chất ma túy, làm mất trật tự trị an tại địa phương. Các bị cáo là người có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự. Các bị cáo có lối sống buông thả, dẫn đến nghiện ma túy nên mặc dù nhận thức rõ được mọi hành vi liên quan đến ma túy là vi phạm pháp luật, là nguyên nhân có thể gây ra nhiều loại tội phạm và tệ nạn xã hội khác nhưng vẫn cố ý phạm tội.

[3] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017. Tuy nhiên, bị cáo T có một tiền sự về việc áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc. Bị cáo D có nhân thân xấu; năm 2018 bị tuyên xử về tội trộm cắp tài sản nhưng bị cáo phạm tội khi chưa đủ 18 tuổi; phạm tội trong trường hợp ít nghiêm trọng; theo quy định tại Điều 107 Bộ luật Hình sự và Điều 425 Bộ luật Tố tụng hình sự thì bị cáo được coi là không có án tích.

[4] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ Luật Hình sự 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017. Bị cáo T có hoàn cảnh gia đình khó khăn có xác nhận của chính quyền địa phương nơi gia đình bị cáo sinh sống; bị cáo D gia đình có công với cách mạng.

Sau khi cân nhắc mức độ hành vi phạm tội, nhân thân của các bị cáo và tình tiết giảm nhẹ mà các bị cáo được hưởng, Hội đồng xét xử thấy cần xử các bị cáo một mức án tương xứng với hành vi phạm tội để giáo dục, răn đe các bị cáo và phòng ngừa chung.

[5] Về vật chứng vụ án: Căn cứ Khoản 1 Điều 47, Khoản 1 Điều 48 Bộ Luật Hình sự, Điều 106 Bộ luật tố tụng Hình sự 2015. Cần tiêu hủy số ma túy còn lại sau giám định.

Đối với xe hon đa biển số 93P2 – 56411 qua lời khai của bị cáo D và bà C, xác định là tài sản của bà C, D sử dụng vào việc chở ma túy bà C không biết nên cần trả lại cho bà Nguyễn Thị C.

Giao trả cho bị cáo D 01 điện thoại di động hiệu Viettel không liên quan đến hành vi phạm tội. 01 điện thoại di động hiệu Oppo của T sử dụng liên lạc với D để chở T mang theo ma túy vào xã G, xác định là phương tiện T sử dụng để thực hiện hành vi phạm tội nên cần tịch thu sung vào công quỹ nhà nước.

[6] Về án phí: Buộc các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

- Đối với người tên E bán ma túy cho bị cáo T chưa xác định được nhân thân lai lịch, Cơ quan Cảnh sát điều tra tách ra tiếp tục điều tra xác minh xử lý sau nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Đối với Nguyễn Thị C giao xe cho D sử dụng, nhưng không biết D sử dụng vào mục đích phạm tội, nên không có căn cứ xử lý.

Quan điểm xử lý vụ án của Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa về hình phạt là có căn cứ được Hội đồng xét xử chấp nhận; việc tại phiên tòa Viện kiểm sát rút tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự 01 tiền án đối với bị cáo D; đối Cếu với quy định tại Điều 107 Bộ luật Hình sự và Điều 425 Bộ luật Tố tụng hình sự là có căn cứ chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Về tội danh và hình phạt: Tuyên bố bị cáo Đặng Quốc T và Huỳnh Bình D phạm “Tội tàng trữ trái phép chất ma túy”.

Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249, điểm s khoản 1,2 Điều 51, Điều 38, Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Đặng Quốc T 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 11/02/2020.

Xử phạt bị cáo Huỳnh Bình D 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 11/02/2020.

[2] Về vật chứng vụ án: Căn cứ vào khoản 1 Điều 47, khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự, Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

Tuyên tịch thu tiêu hủy số ma túy còn lại sau giám định. Trả lại cho bà Nguyễn Thị C 01 xe honda biển số 93P2 – 56411. Trả lại cho bị cáo D 01 điện thoại di động hiệu Viettel. Tịch thu sung vào công quỹ nhà nước 01 điện thoại di động hiệu Oppo. (Theo biên bản giao nhận vật chứng, tài sản số 0009766 ngày 01/4/2020 giữa C cục thi hành án Dân sự huyện A và E an huyện A).

[3] Về án phí: Áp dụng Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự 2015, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Buộc các bị cáo Đặng Quốc T và Huỳnh Bình D mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Các bị cáo có mặt tại phiên tòa, được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh B;
- Viện kiểm sát ND tỉnh B.
- Sở tư pháp tỉnh B;
- E an tỉnh B;
- VKSND huyện A;
- CCTHADS huyện A;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu HS.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Lưu Thùy Linh

